

## NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

**ĐẶC ĐIỂM SỬ DỤNG NGÔN NGỮ TRONG GIAO TIẾP  
GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI KHMER Ở TỈNH SÓC TRĂNG****THẠCH VĂN VIỆT\***

**TÓM TẮT:** Hiện tượng song ngữ xã hội phát triển đã ảnh hưởng đến khả năng sử dụng ngôn ngữ của đồng bào Khmer trong gia đình, không phân biệt gia đình hỗn hợp hay gia đình thuần Khmer. Ngôn ngữ giao tiếp chung của hai loại gia đình Khmer là tiếng mẹ đẻ - tiếng Khmer; ngoài ra, tiếng Việt giữ vai trò hỗ trợ khi giao tiếp trong gia đình Khmer. Quá trình giao tiếp gia đình Khmer không chỉ là quá trình thụ đắc tiếng Khmer mà còn là quá trình thụ đắc tiếng Việt; hai ngôn ngữ tồn tại song song trong gia đình Khmer, nhưng xét về chức năng thì tiếng Khmer giữ vai trò cao hơn, gọi là ngôn ngữ phi cân bằng: tiếng Khmer là ngôn ngữ cao (H), tiếng Việt là ngôn ngữ thấp (L). Đây là đặc điểm sử dụng ngôn ngữ tiêu biểu của đại bộ phận đồng bào Khmer trong giao tiếp gia đình. Tuy nhiên, gia đình thuần Khmer và gia đình hỗn hợp có khác biệt đôi chút về việc dùng các hiện tượng pha trộn ngôn ngữ: gia đình thuần Khmer dùng ít các hiện tượng pha trộn ngôn ngữ; ngược lại, gia đình hỗn hợp dùng các hiện tượng pha trộn ngôn ngữ nhiều hơn.

**TỪ KHÓA:** tiếng Khmer; ngôn ngữ giao tiếp gia đình Khmer; người Khmer Sóc Trăng; đặc điểm ngôn ngữ Khmer; ngôn ngữ dùng trong gia đình Khmer.

NHẬN BÀI: 30/9/2020.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 7/1/2021

**1. Đặt vấn đề**

Đồng bào Khmer có lối sống cộng cư, xen cư với các dân tộc Kinh, Hoa,... và dân tộc khác ở tỉnh Sóc Trăng. Lối sống cộng cư này đã tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào Khmer, không những giao thoa về văn hóa mà còn giao thoa về ngôn ngữ. Ngoài việc sử dụng tiếng mẹ đẻ ra, đồng bào Khmer còn có khả năng sử dụng tiếng Việt, Hoa tùy thuộc vào môi trường tiếp xúc ngôn ngữ, đặc biệt là tiếng Việt - ngôn ngữ giao tiếp chung giữa các dân tộc; tiếng Việt đã ảnh hưởng sâu rộng đến khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ của đồng bào Khmer trong phạm vi giao tiếp gia đình và phạm vi giao tiếp xã hội. Bài viết này sẽ tìm hiểu đặc điểm sử dụng ngôn ngữ của người Khmer Sóc Trăng trong giao tiếp gia đình.

Tác giả vận dụng một số phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội, chủ yếu là phương pháp phân tích định lượng và định tính để làm rõ vấn đề nghiên cứu. Tư liệu sử dụng bao gồm 388 phiếu khảo sát về năng lực ngôn ngữ và đặc điểm sử dụng ngôn ngữ của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng. Các mẫu khảo sát được chọn theo từng phân tầng. Phương pháp phân tầng này có thể nói là phù hợp với tính chất và quy mô nghiên cứu, cũng như số lượng đối tượng nghiên cứu. Các phân tầng được sắp xếp như sau:

- Phân tầng thứ nhất - giới tính, có hai biến độc lập nam và nữ.
- Phân tầng thứ hai - độ tuổi. Phân tầng này chia ra 4 nhóm: nhóm 10-30 tuổi, nhóm 31-45 tuổi, nhóm 46-60 tuổi, nhóm 61 tuổi trở lên.
- Phân tầng thứ ba - khu vực cư trú. Việc khảo sát tập trung ở những địa bàn đồng người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng bao gồm các xã, huyện và thị xã: xã Viên An và Tài Văn của huyện Trần Đề, xã Tham Đôn và Đại Tâm của huyện Mỹ Xuyên, xã Vĩnh Hải và phường 2 của thị xã Vĩnh Châu.
- Phân tầng thứ tư - trình độ học vấn. Phân tầng này vào gồm các trình độ từ Tiểu học đến Đại học.
- Phân tầng thứ năm - nghề nghiệp. Phân tầng này gồm các tầng lớp lao động lẫn tầng lớp trí thức như nông dân, công nhân, buôn bán, học sinh, sinh viên, cán bộ viên chức nhà nước.

Thời gian khảo sát được tiến hành từ năm 2017 cho đến nay. Trong khoảng thời gian đó, ngoài việc thực hiện phiếu khảo sát, xử lý số liệu, tác giả còn thực hiện công tác điền dã sáu đợt nhằm quan

\* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;  
Email: thachvanviet81@yahoo.com

sát thực tế, thu thập dữ liệu, phỏng vấn sâu, đối chiếu số liệu khảo sát với thực tế sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp gia đình.

## 2. Nội dung vấn đề

Mối quan hệ hôn nhân - gia đình Khmer hiện nay tương đối phức tạp, không như truyền thống. Gia đình Khmer có khả năng là những thành viên đồng tộc (gia đình thuần Khmer) hoặc gia đình Khmer mà trong đó có thành viên khác dân tộc (gia đình hỗn hợp, gia đình đa văn hóa). Ở bài viết này, tác giả nghiên cứu việc sử dụng ngôn ngữ của đồng bào Khmer trong cả hai loại gia đình: gia đình thuần Khmer và gia đình hỗn hợp.

### 2.1. Ngôn ngữ giao tiếp của người Khmer trong gia đình thuần Khmer

#### 2.1.1. Ngôn ngữ giao tiếp với ông bà, cha mẹ

Đặc điểm sử dụng ngôn ngữ nổi bật trong giao tiếp gia đình thuần Khmer là dùng tiếng mẹ đẻ nhiều hơn tiếng Việt. Tiếng mẹ đẻ giữ vai trò và chức năng giao tiếp quan trọng nhất trong gia đình thuần Khmer, đặc biệt là những đối tượng trung niên, cao niên như ông bà, cha mẹ (người già), cụ thể: sử dụng tiếng Khmer 384/388 người, chiếm 99%; tiếng Việt 43/388 người, chiếm 11,1%. Kết quả này tương đồng với kết quả của Trương Chí Hùng (2016) trong nghiên cứu “Đặc điểm sử dụng ngôn ngữ của người Khmer ở An Giang”. Trong công trình này, tác giả nhận thấy: “*Chúng ta có thể thấy đối với từng đối tượng khảo sát thì người Khmer lựa chọn sử dụng ngôn ngữ cũng rất khác nhau. Cụ thể hơn, khi giao tiếp với người thân trong gia đình (bao gồm ông bà, cha mẹ, anh chị em) thì hầu hết người Khmer đều sử dụng tiếng mẹ đẻ (chiếm tỉ lệ trên 98%)*” [8, tr.13-14]. Cả hai số liệu thống kê trên chứng minh rằng, tần suất sử dụng tiếng mẹ đẻ của người Khmer ở An Giang và Sóc Trăng trong giao tiếp gia đình là rất cao. Việc lựa chọn ngôn ngữ nào để giao tiếp với ông bà, cha mẹ trong gia đình phụ thuộc vào các đặc điểm về giới tính, tuổi tác, địa bàn cư trú, trình độ học vấn và nghề nghiệp của những người tham gia giao tiếp.

Ở góc độ giới tính, tỉ lệ nam giới và nữ giới sử dụng tiếng Khmer không có sự chênh lệch đáng kể: nam giới là 222/224 người, chiếm 99,1%; nữ giới là 162/164 người, chiếm 98,8%.

Ở góc độ tuổi tác, tất cả các nhóm tuổi đều sử dụng tiếng Khmer để giao tiếp với ông bà, cha mẹ, nổi bật nhất là các nhóm: 31-45 tuổi (143/143 người chiếm 100%) và nhóm 61 tuổi trở lên (48/48 người chiếm 100%).

Ở góc độ địa bàn cư trú, huyện Trần Đề, Mỹ Xuyên, và thị xã Vĩnh Châu giao tiếp tiếng mẹ đẻ với ông bà, cha mẹ rất cao, bình quân tỉ lệ 99%. Đây là những địa bàn đông dân cư Khmer nhất ở tỉnh Sóc Trăng nên cư dân Khmer có điều kiện giao tiếp nhiều với nhau bằng tiếng mẹ đẻ.

Ở góc độ học vấn, việc sử dụng tiếng mẹ đẻ của người Khmer để giao tiếp với ông bà, cha mẹ có sự khác nhau: những người Khmer có trình độ càng thấp thì việc dùng tiếng Khmer giao tiếp với ông bà, cha mẹ càng ít; ngược lại, những người Khmer có trình độ càng cao thì việc dùng tiếng Khmer càng nhiều: những người Khmer từ trình độ Tiểu học đến Trung học phổ thông (bình quân tỉ lệ 98,5%) thấp hơn một ít những người Khmer ở trình độ từ Trung cấp chuyên nghiệp đến Đại học (100%).

Ở góc độ nghề nghiệp, người Khmer dù làm nghề gì đều có xu hướng dùng tiếng mẹ đẻ để giao tiếp với các thành viên trong gia đình, đặc biệt là tầng lớp học sinh, sinh viên, công nhân, buôn bán, cán bộ viên chức nhà nước dùng tiếng mẹ đẻ để giao tiếp với ông bà, cha mẹ, chiếm 100%; kể đến là nông dân (98,%) (xem Phụ lục 1).

Tác giả đã phỏng vấn một vài thành viên trong gia đình thuần Khmer về việc sử dụng ngôn ngữ trong gia đình. Các cộng tác viên đều trả lời: “*Khi nói chuyện với ông bà, cha mẹ, chúng tôi thường dùng tiếng Khmer để nói chuyện, không ai nói tiếng Việt, chúng tôi nói tiếng Khmer từ nhỏ cho đến giờ*”; “*Ngày nào, ông bà, cha mẹ cũng nói tiếng Khmer với chúng tôi, nói tiếng Khmer thành thói quen lâu rồi, rất ít nói tiếng Việt*”; “*Nói tiếng Khmer quen rồi, nói tiếng Việt không được, nói tiếng Việt giọng cứng nhắc và kì cục lắm, chỉ cần chúng tôi nói tiếng Việt là mọi người biết chúng tôi là người Khmer ngay*”. Khi được hỏi: anh/ chị có dùng tiếng Việt để nói chuyện với ông bà, cha mẹ

không? Họ trả lời: “*Lâu lâu, quên quên, chúng tôi cũng nói tiếng Việt, ông bà hiểu lắm, nhưng họ trả lời bằng tiếng Khmer. Có khi cha mẹ thì còn nói tiếng Việt. Ông bà chả bao giờ nói*”.

Nhìn chung, đại bộ phận người Khmer đều sử dụng tiếng Khmer để giao tiếp với nhau trong gia đình, ít khi pha trộn ngôn ngữ. Chẳng hạn như, tình huống giao tiếp sau đây:

Hội thoại giữa cha với người thân (chú)

Cha: ពួកអង្គុយលេង។ កាំងនេះ។ (Chú ngồi chơi. Ghế nè.)

ពូមកផ្ទះខ្ញុំមានការអ្វីទេ? (Chú đến nhà con chơi, có việc gì không?)

Chú: ទំនេរមកលេងគិតប្រណាស់ហើយមិនមកទៀង។

(Rảnh đến chơi một chút. Lâu lắm rồi, không đến chơi.)

Cha: ខ្ញុំនៅផ្ទះរាល់ ngày ការស្រែ មិនបានទៅណាមកណា។

(Tôi ở nhà bận bịu mỗi ngày, việc ruộng, không được đi đâu.)

Chú: អញក៏រាល់ ngày ដែរហ្នឹង។ អញមក **họp** នៅ **xã**, **họp** ហើយ មកផ្លូវហែងលេងបន្តិច។ (Tao cũng bận mỗi ngày đó. Tao đến xã họp, họp xong rồi đến nhà mày chơi.)

Cha: ចឹងនៅលេងដល់ថ្ងៃរៀនចាំទៅផ្ទះ។ ខ្ញុំហៅប្រពន្ធនៅផ្សារទិញសាអ៊ី **nhậu** បន្តិចមើល។ (Vậy, chú ở chơi cho đến chiều rồi về nhà. Tôi kêu vợ đi chợ mua gì nhậu.)

Chú: ក៏បានដែរ។ **Nhậu** ហើយនិយាយគ្នាលេង។ ប្រណាស់ហើយមិនជួប។

(Cũng được. Nhậu rồi nói chuyện chơi. Lâu lắm rồi mới gặp.)

Cha: ពូផឹក **bia** រឬផឹកស្រា? (Chú uống rượu hay uống bia?)

Chú: អញផឹកស្រាបានហើយ។ ផឹកបៀរមិនធ្លាប់ទេ។

(Tao uống rượu được rồi. Uống bia không quen lắm.)

Cha: ខ្ញុំហៅកូនទៅទិញ. (Tôi kêu con đi mua rượu.)

Tình huống giao tiếp trên cho thấy, cha và chú dùng ngôn ngữ thuần Khmer, ít pha trộn ngôn ngữ, chủ yếu là trộn mã (các từ tiếng Việt trộn mã như *họp*, *xã*, *nhậu*, *bia* đã thể hiện yếu tố trộn mã trong giao tiếp trên). Điều này cho thấy, các thế hệ ông bà, cha mẹ luôn ý thức vai trò quan trọng của việc giữ gìn ngôn ngữ dân tộc trong giao tiếp gia đình.

### 2.1.2. Ngôn ngữ của người Khmer dùng để giao tiếp với con, cháu

Đặc điểm nổi bật về việc sử dụng ngôn ngữ của người Khmer trong giao tiếp với con, cháu (người trẻ) là dùng tiếng Khmer nhiều hơn tiếng Việt: tiếng Khmer là 366/387 người, chiếm 94,6%; tiếng Việt là 76/387 người, chiếm 19,6%.

Ở góc độ giới tính, tỉ lệ nam giới 208/224 người, chiếm 92,9% sử dụng tiếng Khmer để trò chuyện với con cháu, thấp hơn nữ giới 158/163 người, chiếm 96,6% vì trong gia đình thuần Khmer, nam giới Khmer có nhu cầu trao đổi, trò chuyện nhiều hơn nữ giới, do nam giới là người quản lý công việc, tổ chức đời sống gia đình.

Ở góc độ nhóm tuổi, đồng bào Khmer ở các nhóm tuổi dùng tiếng Khmer để giao tiếp với con cháu rất cao, nổi trội nhất là nhóm 10-30 tuổi, chiếm 99,1%, nhóm 61 tuổi trở lên, chiếm 97,9% và thấp nhất là nhóm 46-60 tuổi, chiếm 86,4%.

Ở góc độ địa bàn cư trú, trong các huyện khảo sát, người Khmer chủ yếu dùng tiếng mẹ đẻ để giao tiếp với con cháu. Một trong những huyện tiêu biểu là Trần Đề, một huyện đồng dân cư Khmer, chiếm 48% dân số toàn huyện, trong đó xã Viên An và Tài Văn là hai xã tiêu biểu nhất trong việc sử dụng tiếng Khmer để trao đổi, trò chuyện, thảo luận với con cháu trong gia đình. Cộng đồng Khmer nơi đây định cư, lập nghiệp, gắn bó lâu dài với quê cha đất tổ và nhu cầu giao tiếp tiếng Khmer với con cháu trở thành thói quen ăn sâu vào cuộc sống của họ.

Ở góc độ học vấn, đặc điểm khác biệt ở góc độ học vấn là trình độ tiếng Khmer để giao tiếp với con cháu trong gia đình không đồng đều nhau. Những người thuộc trình độ Trung cấp chuyên nghiệp (27 người), Cao đẳng (17 người) có số lượng ít nhưng họ hoàn toàn sử dụng tiếng Khmer (100%) để giao tiếp với con cháu. Những người thuộc trình độ Tiểu học (101 người) và Trung học cơ sở (140 người) có số lượng cao nhất nhưng khả năng sử dụng tiếng Khmer lại thấp hơn (93%). Điều này cho



tiếng Việt nhiều hơn, chiếm tỉ lệ 19,6%. Sự khác nhau này cho chúng tôi thấy dấu hiệu của sự thay đổi trong việc sử dụng tiếng mẹ đẻ và nhu cầu sử dụng tiếng Việt trở nên quan trọng đối với thế hệ trẻ. Điều này có thể lí giải, người trẻ có điều kiện tiếp xúc với môi trường song ngữ xã hội phát triển hơn người già. Họ nắm bắt môi trường song ngữ Khmer - Việt một cách linh hoạt và nhanh chóng. Với người già, họ tiếp xúc trực tiếp hay gián tiếp với môi trường song ngữ xã hội chưa phát triển và họ chưa qua trường lớp đào tạo. Họ vẫn nặng tư duy giao tiếp ngôn ngữ mẹ đẻ, ngôn ngữ kế thừa từ thế hệ ông cha. Thái độ ngôn ngữ của họ có thể bất biến hay khả biến trong cộng đồng hay cá nhân ngôn ngữ người Khmer dưới tác động của các hàng loạt nhân tố xã hội.

Một vấn đề đáng quan tâm là, người già và người trẻ sử dụng tiếng Khmer trong giao tiếp gia đình còn có sự khác nhau về hiện tượng trộn mã, chuyển mã. Việc khảo sát trên phiếu và xử lí bằng phần mềm tin học chỉ đưa ra những kết quả khái quát và phản ánh chưa đúng đặc điểm sử dụng ngôn ngữ của người Khmer. Qua quan sát và phỏng vấn sâu các thành viên trong giao tiếp gia đình, tác giả nhận ra rằng, họ sử dụng tiếng Khmer trong giao tiếp gia đình có chứa nhiều hiện tượng pha trộn ngôn ngữ giữa tiếng Khmer với tiếng Việt. Người già hạn chế sử dụng các hiện tượng trên do những người này tiếp xúc ngôn ngữ thuần Khmer và họ định cư trong môi trường song ngữ chưa phát triển. Ngược lại, người trẻ khi giao tiếp với gia đình, họ sử dụng hiện tượng trộn mã, chuyển mã nhiều hơn. Bởi vì các thế hệ con cháu chịu ảnh hưởng song ngữ xã hội phát triển mạnh, nhất là sự phát triển của tiếng Việt. Tiếng Việt là ngôn ngữ chi phối khả năng giao tiếp ngôn ngữ Khmer của người trẻ.

## 2.2. Ngôn ngữ giao tiếp trong gia đình hỗn hợp

Cơ cấu tổ chức gia đình của người Khmer ở Sóc Trăng có nhiều thay đổi. Gia đình truyền thống thuần Khmer đã không còn tồn tại phổ biến như trước đây. Thay vào đó, tại địa phương đã xuất hiện nhiều gia đình không thuần Khmer (gia đình hỗn hợp) dựa trên mối quan hệ hôn nhân khác tộc do ảnh hưởng của lối sống cộng cư, xen cư tại địa bàn cư trú. Tuy nhiên, những gia đình hỗn hợp Khmer có số lượng không lớn.

Gia đình hỗn hợp Khmer dựa trên thành phần dân tộc sinh sống ở Sóc Trăng: thành phần dân tộc ở Sóc Trăng chủ yếu là người Khmer, Kinh và Hoa; bên cạnh đó có một số không đồng các tộc người đến từ các tỉnh, thành khác di cư xuống Sóc Trăng. Gia đình hỗn hợp Khmer là gia đình kết hợp hôn nhân giữa người Khmer và người Kinh hoặc là người Khmer với người Hoa, hoặc giữa người Khmer với một tộc người khác.

Gia đình hỗn hợp Khmer xuất hiện rải rác ở một số xã, huyện của tỉnh Sóc Trăng. Trong các địa bàn khảo sát, gia đình hỗn hợp Khmer thường xuất hiện ở xã Đại Tâm huyện Mỹ Xuyên, xã Viên An huyện Trần Đề và xã Vĩnh Hải của thị xã Vĩnh Châu,... tỉnh Sóc Trăng do các xã này ở gần trục lộ giao thông, hoạt động kinh tế - xã hội phát triển, đông dân cư, và tồn tại nhiều thành phần dân tộc. Tất nhiên, hiện tượng song ngữ xã hội cũng phát triển song song với các đặc điểm cư trú, đặc điểm kinh tế - xã hội. Đồng bào Khmer có khả năng sử dụng bất kì ngôn ngữ nào để giao tiếp trong gia đình hỗn hợp: hoặc tiếng Khmer hoặc tiếng Việt, Hoa,... tùy thuộc vào vai trò quan trọng của ngôn ngữ trong mỗi gia đình quyết định.

Trên cơ sở quan sát và phỏng vấn, chúng tôi thấy rằng người Khmer trong gia đình hỗn hợp vừa sử dụng tiếng Việt hoặc Hoa,... vừa sử dụng tiếng Khmer để giao tiếp trong gia đình, nhưng tần suất sử dụng tiếng Khmer nhiều hơn. Họ sử dụng hình thức trộn mã và chuyển mã. Ông bà nói một câu tiếng Khmer thì con cháu đáp lại một câu tiếng Việt hay Hoa. Đôi lúc con cháu sử dụng hình thức trộn mã để giao tiếp với ông bà, thậm chí mượn một câu tiếng Việt và thay đổi thanh điệu. Nhiều cộng tác viên khi được hỏi về việc sử dụng ngôn ngữ trong gia đình hỗn hợp đã trả lời rằng:

*"Tôi là người Khmer làm dâu trong gia đình người Kinh, tôi thường nói tiếng Khmer nhiều hơn, khi cha mẹ chồng nói tiếng Việt thì tôi mới nói tiếng Việt, ở chỗ tôi ai cũng biết nói tiếng Khmer và tiếng Việt. Ai nói tiếng gì thì tôi nói tiếng đó";*

*"Tôi là người Kinh làm dâu trong gia đình người Khmer, tôi nói tiếng Việt nhiều hơn tiếng Khmer, gia đình chồng nói tiếng Khmer nhiều, bây giờ tôi nói tiếng Khmer với nhà chồng, tôi nói tiếng nào cũng được";*

“Ở áp tôi, người Kinh và người Khmer sống chung với nhau, tôi nói tiếng gì cũng được, khi gặp người Kinh thì nói tiếng Việt, khi gặp người Khmer thì nói tiếng Khmer”;

“Ở đây ít có ai nói tiếng Khmer rành đâu, nói tiếng Khmer mà đưa tiếng Việt vô, chỉ khác có cái giọng chút xíu”;

“Tiếng Khmer bây giờ thay đổi rồi, nhiều khi tôi cũng không biết tôi nói tiếng Việt hay nói tiếng Khmer nhưng ai cũng hiểu, riết rồi thành thói quen”.

Với gia đình hỗn hợp, người già thường xuyên sử dụng tiếng Khmer để trao đổi thông tin qua lại, còn người trẻ thường dùng tiếng Việt để đáp lại trong các tình huống giao tiếp gia đình: “Mày đưa con nít trong xóm nói tiếng Khmer và tiếng Việt lẫn lộn, riết rồi quên tiếng mẹ đẻ rồi”. Khả năng giao tiếp bán song ngữ này trở thành thói quen trong gia đình không thuần Khmer. Nhiều thành viên trong gia đình hỗn hợp không những thành thạo tiếng Khmer mà còn thành thạo tiếng Việt hoặc tiếng Hoa. Họ có khả năng sử dụng song song để giao tiếp với các dân tộc khác; luân phiên chuyển mã ngôn ngữ khi giao tiếp: từ tiếng Khmer sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng Khmer để đạt được mục đích giao tiếp. Chẳng hạn như, tình huống giao tiếp giữa mẹ và con gái trong gia đình hỗn hợp dưới đây:

Hội thoại giữa mẹ và con gái

Mẹ: យប់ម្សិល ឯងទៅណា មកផ្ទះយប់ពេក? (Tối qua, mày đi đâu mà khuya mới về?)

Con: កូនទៅលេងនឹង bạn bè នៅសាលារៀន។ (Con đi chơi với bạn bè trong lớp.)

Mẹ: Con gái đi chơi về khuya, người ta coi thường, biết không con!

Con: Con đi ăn uống với bạn thôi mẹ. Vui quá, con về trễ.

Mẹ: ត្រូវហើយ ឯងប្រយត្តហើយអញ។ (Đúng rồi! Mày coi chừng tao.)

Con: Con biết rồi mẹ. Lần sau con về sớm.

Mẹ: Con đi chợ với mẹ một chút đi.

Con: Dạ. Con lấy xe đây.

Quan sát tình huống này, chúng tôi thấy hai mẹ con dùng nhiều hiện tượng pha trộn ngôn ngữ, chuyển mã (Mẹ: Con gái đi chơi về khuya, người ta coi thường, biết không con; con: Con đi ăn uống với bạn thôi mẹ. Vui quá, con về trễ; Mẹ: ត្រូវហើយ ឯងប្រយត្តហើយអញ។ (Đúng rồi! Mày coi chừng tao.)) nhiều hơn trộn mã (Con: កូនទៅលេងនឹង bạn bè នៅសាលារៀន។).

Hiện tượng này không chỉ diễn ra ở các thành viên trong gia đình hỗn hợp mà còn ở các gia đình thuần Khmer vì tất cả kiến thức ngôn ngữ về đời sống xã hội của đồng bào Khmer mang tính cơ bản, dù là ngôn ngữ Khmer hay ngôn ngữ Việt, đồng bào Khmer đều có thể sử dụng để giao tiếp. Những vấn đề thuộc lĩnh vực, phạm vi sâu rộng như thời sự, kinh tế, chính trị, văn hóa, nghệ thuật thì đồng bào Khmer sẽ dùng tiếng Việt làm phương tiện giao tiếp chính, thay thế cho tiếng mẹ đẻ.

Ngôn ngữ giao tiếp chính trong gia đình người Khmer là tiếng mẹ đẻ, tiếng Khmer. Do ảnh hưởng của cảnh huống ngôn ngữ đa tộc, đa ngữ, nên đồng bào Khmer còn sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp gia đình, đóng vai trò hỗ trợ cho ngôn ngữ mẹ đẻ. Đồng bào Khmer sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp gia đình thuần Khmer và gia đình hỗn hợp có những điểm tương đồng và dị biệt. Điểm tương đồng là họ sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp gia đình; đôi lúc, họ cũng sử dụng tiếng Việt làm phương tiện giao tiếp thay thế cho tiếng mẹ đẻ. Ngoài ra, họ còn dùng các hiện tượng pha trộn ngôn ngữ khi giao tiếp gia đình. Điểm dị biệt, thứ nhất là gia đình thuần Khmer dùng tiếng thuần Khmer nhiều hơn gia đình hỗn hợp; thứ hai là gia đình thuần Khmer ít dùng các hiện tượng pha trộn ngôn ngữ, ngược lại, gia đình hỗn hợp dùng nhiều các hiện tượng pha trộn ngôn ngữ do ảnh hưởng của mối quan hệ đa tộc, đa ngữ trong gia đình hỗn hợp. Đặc điểm ngôn ngữ giao tiếp này tạo nên hiện tượng ngôn ngữ học xã hội, không chỉ diễn ra trong môi trường giao tiếp gia đình, mà còn diễn biến phức tạp, đa chiều trong môi trường giao tiếp xã hội. Những điểm tương đồng và dị biệt này là đặc điểm vừa tích cực vừa tiêu cực trong việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp của người Khmer và không thể thay đổi hay khắc phục, chỉ có thể duy trì với những điều kiện tốt nhất trong cảnh huống ngôn ngữ đa tộc, đa ngữ.

Theo Nguyễn Thị Huệ (2008) trong bài viết “*Tình hình sử dụng ngôn ngữ của người Khmer tại Trà Vinh*” nghiên cứu khả năng song ngữ của người Khmer trong phạm vi giao tiếp gia đình tại Trà Vinh. Tác giả nhận định “*Tùy theo thói quen, những gia đình Khmer chủ yếu sử dụng tiếng Khmer trong gia đình, nhưng điều này có thể thay đổi khi trong cuộc thoại có mặt của những người ngoài gia đình là người Việt. Tùy vào đặc điểm của người này, các thành viên trong gia đình có thể sử dụng dạng song ngữ hay sẽ luân chuyển sử dụng tiếng Việt, tiếng Khmer hay ngược lại*” [5, tr.59]. Nhận định này cho thấy, vai trò quan trọng của song ngữ xã hội trong giao tiếp gia đình người Khmer ở Trà Vinh và Sóc Trăng có những điểm tương đồng đáng quan tâm: ngoài việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp gia đình, tiếng Việt luôn là ngôn ngữ giao tiếp linh hoạt, có khả năng thay thế tiếng Khmer bất kì thời gian nào, phụ thuộc vào bối cảnh giao tiếp. Hai ngôn ngữ Khmer và Việt có khả năng luân phiên chuyển mã ngôn ngữ qua lại với nhau để đạt được mục đích giao tiếp.

Trong bài viết “*Thái độ ngôn ngữ của người Khmer ở An Giang*”, Hoàng Quốc (2014) có những nhận định về khả năng sử dụng ngôn ngữ trong gia đình của người Khmer ở An Giang: “*Theo quan sát của chúng tôi thì, ngôn ngữ giao tiếp chính trong gia đình thuần dân tộc là tiếng mẹ đẻ. Hiện tượng này là phổ biến cho tất cả các ấp, xã trên hai địa bàn huyện Tịnh Biên và Tri Tôn. Việc có sử dụng một phần tiếng Việt trong giao tiếp gia đình là hạn hữu, chỉ thấy ở những hộ gia đình hôn nhân hỗn chủng và những gia đình cán bộ, công nhân viên nhà nước*” [2, tr.16-17]. Hoàng Quốc (2018) còn khẳng định thêm “*Tuyệt đại đa số người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long đều nói thạo tiếng mẹ đẻ của mình. Vì thế, khi giao tiếp giữa các thế hệ trong gia đình (ông/ bà, bố/ mẹ, vợ/ chồng, con/ cháu) và cả khi giao tiếp với người cùng dân tộc hay khi cầu cúng, ca hát, ... người Khmer cũng đều sử dụng tiếng mẹ đẻ. Hiện trạng giao tiếp song ngữ trong gia đình Khmer cũng xảy ra, nhất là trong các gia đình trí thức do khả năng song ngữ của các thành viên trong gia đình cao*” [4, tr.32]. Cả bài viết của Trương Chí Hùng, Nguyễn Thị Huệ và Hoàng Quốc đều nhấn mạnh vai trò quan trọng và chức năng giao tiếp của tiếng mẹ đẻ trong gia đình Khmer, đồng thời cũng nhấn mạnh chức năng hỗ trợ của tiếng Việt trong gia đình Khmer. Như vậy, người Khmer ở Sóc Trăng, Trà Vinh, và An Giang đều khẳng định tiếng mẹ đẻ của đồng bào Khmer giữ vai trò quan trọng nhất trong giao tiếp gia đình; còn tiếng Việt giữ vai trò phụ trợ. Đây không chỉ là đặc điểm riêng trong việc sử dụng ngôn ngữ của đồng bào Khmer ở tỉnh Sóc Trăng mà còn là đặc điểm chung của đồng bào Khmer khi sinh sống ở một số huyện, tỉnh của đồng bằng sông Cửu Long.

### 3. Kết luận

Trong gia đình Khmer, đồng bào Khmer luôn có ý thức giữ gìn và lưu giữ tiếng nói của dân tộc mình thông qua việc giao tiếp giữa các thành viên, các thế hệ trong gia đình. Do ảnh hưởng của các hiện tượng song ngữ xã hội phát triển sâu rộng nên đồng bào Khmer có xu hướng sử dụng cả tiếng Khmer lẫn tiếng Việt trong gia đình, dù nội bộ gia đình Khmer có thể có các thành viên khác tộc, nhưng đồng bào Khmer ưu tiên lựa chọn tiếng Khmer để giao tiếp gia đình. Quá trình giao tiếp gia đình Khmer không chỉ là quá trình thụ đắc tiếng Khmer mà còn là quá trình thụ đắc tiếng Việt; hai ngôn ngữ tồn tại song song trong gia đình Khmer, nhưng xét về chức năng thì tiếng Khmer giữ vai trò cao hơn, gọi là ngôn ngữ phi cân bằng; tiếng Khmer là ngôn ngữ cao; tiếng Việt là ngôn ngữ thấp. Đây là đặc điểm sử dụng ngôn ngữ tiêu biểu của đại bộ phận đồng bào Khmer khi giao tiếp gia đình. Tuy nhiên, đồng bào Khmer sử dụng các yếu tố không thuần Khmer trong giao tiếp gia đình, đó là các hiện tượng chuyển mã, trộn mã; các hiện tượng này tồn tại phổ biến trong cộng đồng ngôn ngữ Khmer. Đặc điểm này đã ảnh hưởng đến sự trong sáng của tiếng Khmer, và hiện nay vẫn chưa có giải pháp khắc phục, chỉ có thể duy trì nó trong những điều kiện cho phép.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Lư giang (2019), *Tình hình song ngữ Khmer-Việt tại Đồng bằng sông Cửu Long*. Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia.
2. Hoàng Quốc (2014), *Thái độ ngôn ngữ của người Khmer ở An Giang*. Bản tin Trường Đại học An Giang, Số 60-03/2014, tr.16-19.

3. Hoàng Quốc (2015), *Cảnh hưởng song ngữ Việt-Hoa tại Đồng bằng sông Cửu Long*. Nxb Khoa học Xã hội.
4. Hoàng Quốc (2018), "Tình hình giao tiếp ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số tại Đồng bằng sông Cửu Long". Tạp chí *Ngôn ngữ và đời sống*, số 1.
5. Nguyễn Thị Huệ (2008), "Tình hình sử dụng ngôn ngữ của người Khmer tại Trà Vinh". Tạp chí *Khoa học*. Trường Đại học Cần Thơ, tr.56-65.
6. Nguyễn Đức Tồn (chủ biên). (2016), *Cảnh hưởng và chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam trong thời kì công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế*. Nxb Khoa học Xã hội.
7. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam.
8. Trương Chí Hùng (2016), "Đặc điểm sử dụng ngôn ngữ của người Khmer ở An Giang". Tạp chí *Văn hóa - Lịch sử An Giang*, số 133, tháng 4-2016, tr.13-16.

### The characteristics of using the Soc Trang Khmer's language in communication among family members

**Abstract:** The development of societal bilingualism has affected on the ability of using the Khmer language in their families which are undistinguishable mixed family or pure Khmer family. The common communicative language that uses in two types of Khmer families is the mother tongue - Khmer language; in addition, Vietnamese language plays a supportive role for Khmer people in communication among family members. The communication process of Khmer family is not only the process of acquiring Khmer language but also the process of acquiring Vietnamese language; two languages exist in parallel in the Khmer family, but functionally, Khmer language plays a higher role, called unbalanced language; Khmer is a high language; Vietnamese is a low language. This is a typical characteristic of the majority of Khmer people when communicating with among family members. However, pure Khmer families and mixed families have a little difference in the use of code-mixing: pure Khmer families use little code-mixing; in contrast, mixed families use more code-mixing.

**Key words:** Khmer language; communicative language in Khmer families; Soc Trang Khmer people; Khmer language characteristics; language used in Khmer families.

#### PHỤ LỤC

*Bảng 1. Ngôn ngữ giao tiếp với ông bà, cha mẹ (người già)*

#### Từ góc độ giới tính

		Giới tính		
		Nam	Nữ	Tổng
Tiếng nói với người già (ông, ba, cha, mẹ)	Nói tiếng Khmer	222 (99.1%)	162 (98.8%)	384 (99.0%)
	Nói tiếng Việt	21 (9.4%)	22 (13.4%)	43 (11.1%)
	Nói tiếng khác	2 (0.9%)	4 (2.4%)	6 (1.5%)
	Total	224 (100.0%)	164 (100.0%)	388 (100.0%)

#### Từ góc độ nhóm tuổi

		Nhóm tuổi				Tổng
		10-30 tuổi	31-45 tuổi	46-60 tuổi	Từ 61 tuổi trở lên	
Tiếng nói với người già (ông, ba, cha, mẹ)	Nói tiếng Khmer	107 (98.2%)	143 (100.0%)	86 (97.7%)	48 (100.0%)	384 (99.0%)
	Nói tiếng Việt	18 (16.5%)	15 (10.5%)	7 (8.0%)	3 (6.2%)	43 (11.1%)
	Nói tiếng khác	1 (0.9%)	1 (0.7%)	3 (3.4%)	1 (2.1%)	6 (1.5%)
	Tổng	109 (100.0%)	143 (100.0%)	88 (100.0%)	48 (100.0%)	388 (100.0%)

#### Ở góc độ chỗ ở

		Chỗ ở



		Xã Viên An, huyện Trần Đề	Xã Tài Văn, huyện Trần Đề	Xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên	Xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên	Phường 2, Thị xã Vĩnh Châu	Xã Vĩnh Hải, Thị xã Vĩnh Châu	Tổng
Tiếng nói với người già (ông, bà, cha, mẹ)	Nói tiếng Khmer	50 100.0%	49 98.0%	39 100.0%	50 100.0%	97 98.0%	99 99.0%	384 99.0%
	Nói tiếng Việt	0 0.0%	4 8.0%	27 69.2%	0 0.0%	12 12.1%	0 0.0%	43 11.1%
	Nói tiếng khác	0 0.0%	0 0.0%	0 0.0%	0 0.0%	5 5.1%	1 1.0%	6 1.5%
	Tổng	50 100.0%	50 100.0%	39 100.0%	50 100.0%	99 100.0%	100 100.0%	388 100.0%

**Từ góc độ học vấn**

		Trình độ học vấn							Tổng
		Tiểu học	THCS	THPT	TCCN	CD	ĐH	SĐH	
Tiếng nói với người già (ông, bà, cha, mẹ)	Nói tiếng Khmer	105 98.1%	152 99.3%	58 98.3%	28 100.0%	17 100.0%	24 100.0%	0 0.0%	384 99.0%
	Nói tiếng Việt	14 13.1%	14 9.2%	11 18.6%	2 7.1%	2 11.8%	0 0.0%	0 0.0%	43 11.1%
	Nói tiếng khác	5 4.7%	0 0.0%	1 1.7%	0 0.0%	0 0.0%	0 0.0%	0 0.0%	6 1.5%
	Tổng	107 100.0%	153 100.0%	59 100.0%	28 100.0%	17 100.0%	24 100.0%	0 0.0%	388 100.0%

**Từ góc độ nghề nghiệp**

		Nghề nghiệp						Tổng
		Học sinh, sinh viên	Nông dân	Công nhân	Buôn bán	Cán bộ viên chức nhà nước	Nghề khác	
Tiếng nói với người già (ông, bà, cha, mẹ)	Nói tiếng Khmer	16 100.0%	246 98.8%	14 100.0%	28 100.0%	67 100.0%	13 92.9%	384 99.0%
	Nói tiếng Việt	7 43.8%	25 10.0%	5 35.7%	0 0.0%	5 7.5%	1 7.1%	43 11.1%
	Nói tiếng khác	0 0.0%	5 2.0%	0 0.0%	0 0.0%	0 0.0%	1 7.1%	6 1.5%
	Tổng	16 100.0%	249 100.0%	14 100.0%	28 100.0%	67 100.0%	14 100.0%	388 100.0%

**Bảng 2. Ngôn ngữ giao tiếp với con, cháu (người trẻ)****Từ góc độ giới tính**

		Giới tính		
		Nam	Nữ	Tổng
Tiếng nói với người trẻ (con, cháu)	Nói tiếng Khmer	208 (92.9%)	158 (96.9%)	366 (94.6%)
	Nói tiếng Việt	44 (19.6%)	32 (19.6%)	76 (19.6%)
	Nói tiếng khác	2 (0.9%)	5 (3.1%)	7 (1.8%)
	Tổng	224 (100.0%)	163 (100.0%)	387 (100.0%)

**Từ góc độ nhóm tuổi**

		Nhóm tuổi				Tổng
		10-30 tuổi	31-45 tuổi	46-60 tuổi	Từ 61 tuổi trở lên	

Tiếng nói với người trẻ (con, cháu)	Nói tiếng Khmer	107 (99.1%)	136 (95.1%)	76 (86.4%)	47 (97.9%)	366 (94.6%)
	Nói tiếng Việt	21 (19.4%)	29 (20.3%)	21 (23.9%)	5 (10.4%)	76 (19.6%)
	Nói tiếng khác	1 (0.9%)	2 (1.4%)	3 (3.4%)	1 (2.1%)	7 (1.8%)
	Tổng	108 (100.0%)	143 (100.0%)	88 (100.0%)	48 (100.0%)	387 (100.0%)

**Từ góc độ chỗ ở**

		Chỗ ở						
		Xã Viên An, huyện Trần Đề	Xã Tài Văn, huyện Trần Đề	Xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên	Xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên	Phường 2, Thị xã Vĩnh Châu	Xã Vĩnh Hải, Thị xã Vĩnh Châu	Tổng
Tiếng nói với người trẻ (con, cháu)	Nói tiếng Khmer	49 98.0%	50 100.0%	39 100.0%	35 70.0%	96 98.0%	97 97.0%	366 94.6%
	Nói tiếng Việt	1 2.0%	3 6.0%	37 94.9%	15 30.0%	18 18.4%	2 2.0%	76 19.6%
	Nói tiếng khác	0 0.0%	0	0 0	0 0.0%	6 6.1%	1 1.0%	7 1.8%
	Tổng	50 100.0%	50	100.0% 39	100.0% 50 100.0%	98 100.0%	100 100.0%	387 100.0%

**Từ góc độ học vấn**

		Trình độ học vấn							
		Tiểu học	THCS	THPT	TCCN	CĐ	ĐH	SĐH	Tổng
Tiếng nói với người trẻ (con, cháu)	Nói tiếng Khmer	101 94.4%	140 91.5%	58 98.3%	27 100.0%	17 100.0%	23 95.8%	0 0.0%	366 94.6%
	Nói tiếng Việt	22 20.6%	29 19.0%	13 22.0%	4 14.8%	6 35.3%	2 8.3%	0 0.0%	76 19.6%
	Nói tiếng khác	6 5.6%	0 0.0%	1 1.7%	0 0.0%	0 0.0%	0 0.0%	0 0.0%	7 1.8%
	Tổng	107 100.0%	153 100.0%	59 100.0%	27 100.0%	17 100.0%	24 100.0%	0 0.0%	387 100.0%

**Từ góc độ nghề nghiệp**

		Nghề nghiệp						Tổng
		Học sinh, sinh viên	Nông dân	Công nhân	Buôn bán	Cán bộ viên chức nhà nước	Nghề khác	
Tiếng nói với người trẻ (con, cháu)	Nói tiếng Khmer	16 100.0%	235 94.4%	14 100.0%	25 89.3%	65 98.5%	11 78.6%	366 94.6%
	Nói tiếng Việt	9 56.2%	44 17.7%	5 35.7%	4 14.3%	11 16.7%	3 21.4%	76 19.6%
	Nói tiếng khác	0 0.0%	6 2.4%	0 0.0%	0 0.0%	0 0.0%	1 7.1%	7 1.8%
	Tổng	16 100.0%	249 100.0%	14 100.0%	28 100.0%	66 100.0%	14 100.0%	387 100.0%